UBND TỈNH HẢI DƯƠNG **SỞ NỘI VỤ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 241/QĐ-SNV	*Hải Dương, ngày 23 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập tỉnh Hải Dương năm 2024

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ các Thông tư: Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT; Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT; Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 10/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2020/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; hội, quỹ cấp tỉnh và người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý; Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 04/1/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Nội vụ;

Căn cứ Kế hoạch số 1789/KH-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập tỉnh Hải Dương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2398/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập tỉnh Hải Dương năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công chức viên chức.

Scanned with CamScanner

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ nhiệm và xếp lương đối với 611 viên chức ngành giáo dục và đào tạo thuộc UBND huyện Nam Sách đã trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập tỉnh Hải Dương năm 2024. Thời gian hưởng kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2024. Cụ thể:

1. Bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I (V.07.02.24): 46 người.

2. Bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (V.07.02.25): 371 người.

3. Bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I (V.07.03.27): 65 người.

4. Bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (V.07.03.28): 54 người.

5. Bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (V.07.04.30): 48 người.

6. Bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (V.07.04.31): 11 người.

7. Bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (V.07.05.14) tại trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: 16 người.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Giám đốc các sở, ngành: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Nam Sách; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, CCVC.

GIÁM ĐỐC

SỞ NỘI VỤ

Sái Thị Yến

Scanned with CamScanner

DANH SÁCH XẾP LƯƠNG ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP TỈNH HẢI DƯƠNG NĂM 2024

TỪ HẠNG II LÊN HẠNG I CẤP MẦM NON

(Ban hành kèm theo Quyết định số 241 /QĐ-SNV ngày 23/9 /2024 của Giám đốc Sở Nội vụ)

TT	Họ và tên	Ngày. tháng. năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Huyện, TP, TX	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Hạng CDNN hiện đang giữ	Mã số CDNN hiện đang giữ	Mức lương hiện hưởng				Hạng CDNN bổ nhiệm	Mã số CDNN bổ nhiệm	Mức lương xếp mới				
		Nam	Nữ						Bậc	Hệ số	PC TNVK	Thời gian tính nâng lương (PCTNVK) lần sau			Bậc	Hệ số	PC TNVK	Thời gian hưởng	Thời gian tính nâng lương lần sau
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
1	Đồng Thị Khoa		10/10/1980	Phó Hiệu trưởng	Nam Sách	MN Nam Hồng	II	V.07.02.25	6	3,99		1/2/2022	I	V.07.02.24	1	4,00		01/9/2024	1/2/2022
2	Trần Thị Hiên		13/01/1972	Hiệu trưởng	Nam Sách	MN Nam Trung	II	V.07.02.25	7	4,32		01/7/2023	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	01/7/2023
3	Đặng Thị Thuy		20/8/1968	Giáo viên	Nam Sách	MN Nam Trung	II	V.07.02.25	7	4,32		01/02/2024	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	01/02/2024
4	Lương Thị Hạnh		17/08/1983	Hiệu trưởng	Nam Sách	MN Nam Hưng	II	V.07.02.25	6	3,99		01/12/2021	I	V.07.02.24	1	4,00		01/9/2024	01/12/2021
5	Nguyễn Thị Tuyến		06/06/1969	Hiệu trưởng	Nam Sách	MN Hiệp Cát	II	V.07.02.25	8	4,65		01/09/2022	I	V.07.02.24	3	4,68		01/9/2024	01/09/2022
6	Nguyễn Thị Khê		20/02/1971	Hiệu trưởng	Nam Sách	MN An Sơn	II	V.07.02.25	7	4,32		01/04/2022	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	01/04/2022
7	Trần Thị Thanh Bình		31/10/1981	Hiệu phó	Nam Sách	MN An Sơn	II	V.07.02.25	7	4,32		01/10/2023	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	01/10/2023
8	Nguyễn Thị Nhẹ		08/04/1971	Hiệu phó	Nam Sách	MN An Sơn	II	V.07.02.25	7	4,32		01/09/2024	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	01/9/2024
9	Lê Thị Liên		10/10/1974	Phó hiệu trưởng	Nam Sách	MN thị trấn Nam Sách	II	V.07.02.25	8	4,65		01/04/2024	I	V.07.02.24	3	4,68		01/9/2024	01/04/2024
10	Vũ Thị Chuyền		30/12/1975	Giáo viên	Nam Sách	MN thị trấn Nam Sách	II	V.07.02.25	7	4,32		01/08/2023	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	01/08/2023
11	Trần Thị Huế		28/10/1980	Giáo viên	Nam Sách	MN thị trấn Nam Sách	II	V.07.02.25	7	4,32		01/03/2024	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	01/03/2024
12	Nguyễn Thị Hoàn		13/08/1968	Hiệu trưởng	Nam Sách	MN An Bình	II	V.07.02.25	7	4,32		01/9/2023	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	01/9/2023
13	Trương Thị Nga		24/10/1983	Giáo viên	Nam Sách	MN An Bình	II	V.07.02.25	6	3,99		01/12/2022	I	V.07.02.24	1	4,00		01/9/2024	01/12/2022
14	Phạm Thị Thơm		22/06/1968	Hiệu trưởng	Nam Sách	MN An Lâm	II	V.07.02.25	7	4,32		01/9/2023	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	01/9/2023
15	Vũ Thị Hiền		04/04/1977	Giáo viên	Nam Sách	MN An Lâm	II	V.07.02.25	7	4,32		01/07/2024	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	01/07/2024
16	Nguyễn Thị Phương		05/07/1976	Hiệu trưởng	Nam Sách	MN Phú Điền	II	V.07.02.25	6	3,99		01/04/2023	I	V.07.02.24	1	4,00		01/9/2024	01/04/2023
17	Phạm Thị Én		18/10/1972	Hiệu trưởng	Nam Sách	MN Quốc Tuấn	II	V.07.02.25	7	4,32		01/01/2023	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	01/01/2023
18	Nguyễn Thị Thinh		08/9/1974	Phó Hiệu trưởng	Nam Sách	MN Quốc Tuấn	II	V.07.02.25	8	4,65		01/6/2024	I	V.07.02.24	3	4,68		01/9/2024	01/6/2024
19	Trần Thị Trang		28/5/1987	Giáo viên	Nam Sách	MN Quốc Tuấn	II	V.07.02.25	5	3,66		01/07/2022	I	V.07.02.24	1	4,00		01/9/2024	01/9/2024
20	Nguyễn Thị Lý		22/6/1976	Giáo viên	Nam Sách	MN Quốc Tuấn	II	V.07.02.25	6	3,99		01/03/2022	I	V.07.02.24	1	4,00		01/9/2024	01/03/2022

Scanned with CamScanner

(Ban hành kèm theo Quyết định số 241 /QĐ-SNV ngày 23/9 /2024 của Giám đốc Sở Nội vụ)

TT	Họ và tên	Ngày. tháng. năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Huyện, TP, TX	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Hạng CDNN hiện đang giữ	Mã số CDNN hiện đang giữ	Mức lương hiện hưởng				Hạng CDNN bổ nhiệm	Mã số CDNN bổ nhiệm	Mức lương xếp mới				
		Nam	Nữ						Bậc	Hệ số	PC TNVK	Thời gian tính nâng lương (PCTNVK) lần sau			Bậc	Hệ số	PC TNVK	Thời gian hưởng	Thời gian tính nâng lương lần sau
21	Lê Thị Hằng		18/12/1977	Hiệu trưởng	Nam Sách	MN Nguyễn Đức Sáu	II	V.07.02.25	8	4,65		01/11/2023	I	V.07.02.24	3	4,68		01/9/2024	01/11/2023
22	Vũ Thị Uyên		12/04/1973	Phó Hiệu trưởng	Nam Sách	MN Nguyễn Đức Sáu	II	V.07.02.25	9	4,98		01/09/2023	I	V.07.02.24	4	5,02		01/9/2024	01/09/2023
23	Nguyễn Thị Đóa		02/03/1974	Giáo viên	Nam Sách	MN Nguyễn Đức Sáu	II	V.07.02.25	7	4,32		01/01/2024	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	01/01/2024
24	Lê Thị Đan		12/10/1971	Hiệu trưởng	Nam Sách	MN Đồng Lạc	II	V.07.02.25	7	4,32		1/3/2023	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	1/3/2023
25	Nguyễn Thị Luyến		25/8/1980	Phó hiệu trưởng	Nam Sách	MN Đồng Lạc	II	V.07.02.25	6	3,99		1/5/2023	I	V.07.02.24	1	4,00		01/9/2024	1/5/2023
26	Lê Thị Hằng		13/7/1984	Giáo viên	Nam Sách	MN Đồng Lạc	II	V.07.02.25	6	3,99		1/1/2024	I	V.07.02.24	1	4,00		01/9/2024	1/1/2024
27	Đồng Thị Cúc		11/05/1985	Hiệu Trưởng	Nam Sách	MN Thanh Quang	II	V.07.02.25	6	3,99		01/02/2023	I	V.07.02.24	1	4,00		01/9/2024	01/02/2023
28	Mạc Thị Quý		02/01/1974	Phó Hiệu trưởng	Nam Sách	MN Thanh Quang	II	V.07.02.25	7	4,32		01/12/2023	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	01/12/2023
29	Mạc Thị Thanh		13/01/1970	Giáo viên	Nam Sách	MN Thanh Quang	II	V.07.02.25	6	3,99		01/01/2022	I	V.07.02.24	1	4,00		01/9/2024	01/01/2022
30	Đoàn Thị Thắm		13/7/1970	Hiệu trưởng	Nam Sách	MN Thái Tân	II	V.07.02.25	7	4,32		01/6/2024	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	01/6/2024
31	Nguyễn Thị Mơ		10/10/1985	Giáo viên	Nam Sách	MN Thái Tân	II	V.07.02.25	6	3,99		01/8/2023	I	V.07.02.24	1	4,00		01/9/2024	01/8/2023
32	Trần Thị Kim Thoa		15/3/1978	Giáo viên	Nam Sách	MN Thái Tân	II	V.07.02.25	6	3,99		01/01/2023	I	V.07.02.24	1	4,00		01/9/2024	01/01/2023
33	Vũ Thị Thu Lan		24/08/1980	Hiệu trưởng	Nam Sách	MN Hồng Phong	II	V.07.02.25	7	4,32		01/12/2023	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	01/12/2023
34	Mạc Thị Ngọc		12/02/1980	Phó Hiệu trưởng	Nam Sách	MN Hồng Phong	II	V.07.02.25	7	4,32		01/11/2023	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	01/11/2023
35	Vũ Thị Viễn		25/02/1986	Phó Hiệu trưởng	Nam Sách	MN Hồng Phong	II	V.07.02.25	6	3,99		01/09/2023	I	V.07.02.24	1	4,00		01/9/2024	01/09/2023
36	Trần Thị Hồng		17/12/1977	Hiệu Trưởng	Nam Sách	MN Mạc Thị Bưởi	II	V.07.02.25	7	4,32		01/01/2022	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	01/01/2022
37	Nguyễn Thị Mười		27/10/1970	Phó hiệu trưởng	Nam Sách	MN Mạc Thị Bưởi	II	V.07.02.25	7	4,32		01/10/2023	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	01/10/2023
38	Trần Thị Tâm		10/12/1975	Giáo viên	Nam Sách	MN Mạc Thị Bưởi	II	V.07.02.25	8	4,65		01/10/2022	I	V.07.02.24	3	4,68		01/9/2024	01/10/2022
39	Nguyễn Thị Nguyệt Nga		30/11/1969	Hiệu trưởng	Nam Sách	MN Nam Chính	II	V.07.02.25	8	4,65		01/6/2023	I	V.07.02.24	3	4,68		01/9/2024	01/6/2023
40	Đặng Thị Ngân		16/9/1975	Phó Hiệu trưởng	Nam Sách	MN Nam Chính	II	V.07.02.25	7	4,32		01/12/2022	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	01/12/2022
41	Nguyễn Thị Tuyết Nhung		01/04/1974	Phó Hiệu trưởng	Nam Sách	MN Nam Chính	II	V.07.02.25	6	3,99		01/07/2022	I	V.07.02.24	1	4,00		01/9/2024	01/07/2022
42	Trần Thị Mai		17/5/1970	Giáo viên	Nam Sách	MN Nam Chính	II	V.07.02.25	7	4,32		01/02/2022	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	01/02/2022

Scanned with CamScanner

(Ban hành kèm theo Quyết định số 241 /QĐ-SNV ngày 23/9 /2024 của Giám đốc Sở Nội vụ)

TT	Họ và tên	Ngày. tháng. năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Huyện, TP, TX	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Hạng CDNN hiện đang giữ	Mã số CDNN hiện đang giữ	Mức lương hiện hưởng				Hạng CDNN bổ nhiệm	Mã số CDNN bổ nhiệm	Mức lương xếp mới				
		Nam	Nữ						Bậc	Hệ số	PC TNVK	Thời gian tính nâng lương (PCTNVK) lần sau			Bậc	Hệ số	PC TNVK	Thời gian hưởng	Thời gian tính nâng lương lần sau
43	Phạm Thị Nhung		23/10/1970	Giáo viên	Nam Sách	MN Cộng Hoà	II	V.07.02.25	7	4,32		01/07/2024	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	01/07/2024
44	Nguyễn Thị Thủy		09/09/1982	Hiệu trưởng	Nam Sách	MN Hợp Tiến	II	V.07.02.25	7	4,32		01/04/2022	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	01/04/2022
45	Nguyễn Thị Luận		15/4/1968	Phó Hiệu trưởng	Nam Sách	MN Hợp Tiến	II	V.07.02.25	6	3,99		01/09/2022	I	V.07.02.24	1	4,00		01/9/2024	01/09/2022
46	Phạm Thị Huyền		04/05/1978	Giáo viên	Nam Sách	MN Hợp Tiến	II	V.07.02.25	7	4,32		01/06/2024	I	V.07.02.24	2	4,34		01/9/2024	01/06/2024

Danh sách gồm 46 người.

Scanned with CamScanner